

**TÌM HIỂU NGUYÊN NHÂN NHỮNG ĐỐI TƯỢNG  
VỊ THÀNH NIÊN ĐÃ QUA TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG  
VI PHẠM PHÁP LUẬT KHI TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG  
(Tại Thành phố Hồ Chí Minh)**

NGUYỄN THỊ QUY\*

**TÓM TẮT**

*Qua cứ liệu khảo sát trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, bài viết nêu lên một số nguyên nhân dẫn đến sự vi phạm pháp luật của những vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng khi họ tái hòa nhập cộng đồng. Đó là, do thói quen sống buông thả, thích hưởng thụ nhưng lại lười lao động; do sự suy thoái ở những mức độ khác nhau về đạo đức, lối sống và nhân cách; do mặc cảm, tự ti, thiếu ý chí phấn đấu, thiếu niềm tin vào cuộc sống, mất phương hướng về tương lai; do ở họ còn có những rạn nứt về tình cảm, trở ngại về tâm lý trong việc thiết lập lại mối quan hệ bình thường với những người xung quanh.*

**ABSTRACT**

*Some causes leading to infringement by juvenile having been reeducated at the reformatories as reintegrating the community  
(in Ho Chi Minh City)*

*Through the findings of the survey conducted in Ho Chi Minh City, the article is about some causes leading to infringement by juvenile having been reeducated at the reformatories schools as reintegrating the community. They can be: the ways of life of self-indulgence, laziness, degradation of ethics at different levels; inferiority complex, weak wills, lack of confidence in life, disorientation of the future; emotional shocks, psychological problems to establish normal relations with other people.*

**1. Đặt vấn đề**

Theo số liệu thống kê của Trường Giáo dưỡng Số 4, thuộc Tổng cục VIII - Bộ Công an, tổng số đối tượng vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng trở về TP Hồ Chí Minh từ năm 2005 năm 2009 là 885 em. Hàng năm, số lượng này tăng, giảm không theo một quy luật nhất định. Địa bàn cư trú của số đối tượng này cũng khá phân tán (xem phụ lục 1).

Tuy nhiên, vấn đề đáng quan tâm là

số vị thành niên này khi trở về địa phương tiếp tục phạm pháp chiếm tỉ lệ tương đối cao so với tổng số đối tượng vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng hiện có tại địa bàn. Kết quả khảo sát từ Công an các quận, huyện ở TP Hồ Chí Minh về số vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng từ năm 2005 đến năm 2009 cho thấy trung bình hàng năm có 29% tái vi phạm pháp luật (xem phụ lục 2).

Các vụ việc do đối tượng vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng tái vi phạm pháp luật rất đa dạng, song chủ yếu

\* ThS, Trường Đại học Cảnh sát Nhân dân

vẫn là hành vi trộm cắp tài sản (46,7%), gây rối trật tự công cộng (39,6%) (xem phụ lục 3).

Một vấn đề đáng chú ý khác đối với số vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng tái vi phạm pháp luật ở TP Hồ Chí Minh hiện nay là tính chất của hành vi tái vi phạm pháp luật của họ ngày càng nguy hiểm, có sự phối hợp về mặt tổ chức, có sự phân công, liên kết khi thực hiện tội phạm chứ không còn mang tính chất tình huống, nhất thời và tự phát.

## 2. Giải quyết vấn đề

Bài viết này, trên cơ sở số liệu khảo sát từ các quận, huyện tại TP Hồ Chí Minh nêu lên một số nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến đối tượng vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng trở về địa phương tái vi phạm pháp luật.

### 2.1. Nguyên nhân chủ quan

Đối tượng vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng tái vi phạm pháp luật có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan khác nhau, nhưng trước tiên là do thói quen sống buông thả, thích hưởng thụ, có sự suy thoái ở những mức độ khác nhau về tư tưởng, đạo đức, lối sống và nhân cách. Mặc dù đã qua quản lí, học tập và giáo dục nhằm từng bước nâng cao trình độ nhận thức, hình thành nhân cách và bước đầu ít nhiều có kết quả nhưng những thói quen vi phạm, tư tưởng, lối sống cũ trước khi vào trường vẫn chưa được xóa bỏ hoàn toàn; nhân cách chưa được phục hồi bình thường trở lại.

Đa số vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng ở TP Hồ Chí Minh tái vi phạm pháp luật là số đối tượng lười lao

động, không muốn làm những công việc phổ thông, đơn giản, tiền công ít, nhưng họ lại thích hưởng thụ cuộc sống xa hoa. Từ đó, họ đã tìm cách lợi dụng sơ hở của người dân và gia đình để hoạt động phạm pháp, cá biệt, có những đối tượng còn tự tạo ra những hoàn cảnh, tình huống thuận lợi cho việc thực hiện hành vi phạm pháp.

Hơn nữa, khi trở về địa phương, về mặt tâm lí, những vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng thường mang nặng tư tưởng mặc cảm, tự ti, mất niềm tin vào cuộc sống, mất phương hướng ở tương lai. Họ nhận thức đơn giản rằng những hành vi vi phạm pháp luật đã thực hiện trong quá khứ là vết nhơ trong cuộc đời, mang lại tiếng xấu cho bố mẹ, gia đình và họ tộc. Tư tưởng đó chưa thể phai mờ trong một khoảng thời gian nhất định. Nếu không có sự hỗ trợ, tác động tốt, chúng sẽ bám theo suốt cuộc đời, làm cho các em nghĩ rằng mình không còn gì để mất và điều đó cũng sẽ là nguyên nhân thúc đẩy các em tham gia vào các hoạt động tiêu cực.

Mặt khác, trong việc thiết lập lại mối quan hệ với những người xung quanh mà trước hết là những người thân trong gia đình, những vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng thường có những rạn nứt về tình cảm. Từ đó, khi bị những tác động có tính chất tiêu cực như sự ruồng bỏ của người thân trong gia đình, sự phân biệt đối xử của cộng đồng, sự thiếu quan tâm giúp đỡ của xã hội, sự rù rê, lôi kéo của đồng bọn và các tác động tiêu cực khác, số đối tượng này dễ phản ứng và đi vào con đường tái vi phạm

pháp luật.

Những vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng đa số có trình độ văn hóa ở bậc trung học cơ sở (xem phụ lục 4), nhận thức xã hội tuy không thấp nhưng cũng chưa vươn tới được sự chín chắn. Nên số em khi trở về địa phương có việc làm, tự kiếm sống chiếm tỉ lệ không nhiều. Về mặt pháp lí, số vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng được hưởng đầy đủ các quyền và nghĩa vụ như những cá nhân bình thường khác, nhưng họ lại không có nhu cầu cũng như cơ hội tiếp tục theo học văn hóa. Hơn nữa, việc tìm kiếm việc làm phù hợp với độ tuổi, trình độ và tay nghề của họ lại càng khó khăn hơn nhiều. Họ muốn có việc làm để phụ giúp gia đình và nuôi sống bản thân, nhưng những kiến thức nghề đã học trong trường giáo dưỡng thường ít được sử dụng khi trở về địa phương. Các em không biết làm gì khi thời gian trôi qua từng ngày trong sự nhàn rỗi. Những bạn bè tốt lại bị bố mẹ của họ cấm đoán, ngăn cản không cho quan hệ tiếp xúc, nên số này rất dễ tìm đến những bạn bè xấu trước đây để giao du, chia sẻ. Việc tiếp tục quan hệ với nhóm bạn xấu ở địa bàn cư trú do không có việc làm cũng như do nhu cầu có bạn là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc các em tái vi phạm pháp luật.

## **2.2. Nguyên nhân khách quan**

Ngoài những nguyên nhân chủ quan xuất phát từ chính bản thân đối tượng nêu trên, việc tái vi phạm pháp luật của số vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng còn bị chi phối bởi các nguyên nhân khách quan. Đó là:

### *a. Những thiếu sót trong quá trình quản lí, giáo dục đối tượng ở trường giáo dưỡng*

Thời gian và các biện pháp quản lí, giáo dục, dạy nghề cho đối tượng vị thành niên bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng được quy định tại Pháp lệnh xử lí vi phạm hành chính ngày 02/7/2002 và Nghị định số 66/2009/NĐ-CP ngày 01/8/2009 chưa thực sự đảm bảo để đối tượng hoàn toàn tiến bộ, có khả năng tái hòa nhập cộng đồng ngay sau khi trở về địa phương. Thực tế cho thấy, không phải tất cả số đối tượng đã chấp hành xong biện pháp giáo dưỡng đã hoàn toàn tiến bộ. Một số em, tuy còn nhiều vi phạm, được cán bộ nhà trường ghi nhận là chưa tiến bộ nhưng đã hết thời hạn chấp hành biện pháp giáo dưỡng nên buộc phải cho họ rời trường. Hơn nữa, việc rà soát, phân loại đối tượng, việc sắp xếp, bố trí vào các lớp, các tổ, đội trong từng giai đoạn học văn hóa, lao động và học nghề chưa thực sự tốt. Mặc dù quá trình quản lí, giáo dục học sinh ở trường giáo dưỡng đã được Đảng và Nhà nước quan tâm, nhưng thực tế vẫn còn nhiều khó khăn bất cập: việc chuẩn bị về mặt thích ứng thực tiễn cho các em đến với cuộc sống trong điều kiện bình thường, sự sẵn sàng về mặt tâm lí khi tái hòa nhập cuộc sống xã hội chưa được chú trọng đúng mức; việc giáo dục, dạy nghề, hướng nghiệp trong trường mới chỉ dừng lại ở mức độ cung cấp những kiến thức và kỹ thuật cơ bản, chưa hình thành ở họ những kỹ năng lao động đáp ứng được yêu cầu của xã hội, chưa tạo được điều kiện thật sự thuận lợi khi về địa phương.

Trong nhà trường, các em chỉ tham gia lao động sản xuất, một số ít được học nghề mà chủ yếu là nông nghiệp, lâm nghiệp và một số ngành nghề thủ công đơn giản, hiệu quả thấp. Đặc biệt đối với những em cư trú ở TP Hồ Chí Minh, việc sử dụng nghề đã học để tạo thu nhập, tự lo được cuộc sống lại càng khó khăn hơn nhiều, trong khi nhu cầu của người sử dụng lao động lại đòi hỏi người lao động phải có tay nghề cao.

Qua phỏng vấn sâu và lấy ý kiến thăm dò 86 vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng tái vi phạm pháp luật, chúng tôi nhận thấy, có 90% cho rằng vấn đề việc làm là yếu tố quan trọng nhất tác động đến quá trình tái hòa nhập xã hội. Họ tái phạm pháp chủ yếu là do không có việc làm trong khi kinh tế gia đình lại quá khó khăn, không sử dụng được nghề đã học và đặc biệt là những nơi họ đến xin việc làm đều từ chối khéo khi biết về quá khứ của các em.

*b. Sự kích động, lôi kéo vào con đường tái vi phạm pháp luật của các phần tử xấu*

Một đặc trưng khá phổ biến khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật ở đối tượng vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng trở về địa phương là rất ít em thực hiện hành vi phạm pháp một mình mà thường lôi kéo, rủ rê, câu kết với nhau thành nhóm, đặc biệt là có sự móc nối với các đối tượng có quan hệ thân thiết ở trường giáo dưỡng. Loại nhóm này thường không có mục đích phạm pháp từ trước, hình thành theo tình huống nhất định, mang tính chất tạm thời, bao gồm những người có chung sở thích hay hoàn

cảnh... với phương thức thủ đoạn phạm pháp đơn giản nhưng nếu có điều kiện thuận lợi sẽ chuyển thành nhóm phạm tội có tổ chức và phức tạp. Khi đó, hành vi phạm pháp do họ gây ra có hậu quả khốn lường đối với xã hội, xét về mặt tâm lý sau khi thực hiện hành vi phạm tội - sự đổ vỡ về hệ giá trị, sự băng hoại, suy thoái về nhân cách cũng mang tính nghiêm trọng hơn rất nhiều.

Về mối quan hệ xã hội, đối tượng vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng trở về TP Hồ Chí Minh thường xa lánh cộng đồng và các hoạt động chung của xã hội. Khi trở về địa phương, các em thường có thái độ tự ti, mặc cảm, tìm cách né tránh sự tiếp xúc với mọi người. Mặt khác, gia đình những đối tượng này đa số thuộc diện có hoàn cảnh đặc biệt: khó khăn về kinh tế, mâu thuẫn, rạn nứt, đổ vỡ trong tình cảm, đáng chú ý là có 55 vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng sống trong gia đình có người bị xử lý hình sự hoặc hành chính. Vì vậy, các em thường tìm đến những người có chung hoàn cảnh, cùng hội cùng thuyền để được cảm thông, chia sẻ. Những mối quan hệ này nếu có được sự tác động tích cực của xã hội và gia đình, các tổ chức đoàn thể thì các em sẽ có chiều hướng phấn đấu tiên bộ, còn nếu không thì sự tác động sẽ rất xấu.

*c. Những tác động tiêu cực từ phía gia đình, các tổ chức đoàn thể và quần chúng nhân dân*

Sự tác động, ảnh hưởng tiêu cực từ phía gia đình thể hiện trên nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau, song chủ yếu do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, cha

mẹ phải vất vả lao động, làm việc để mưu sinh, không có thời gian quan tâm, chia sẻ, động viên, tâm sự cũng như quản lý các em. Thậm chí, có gia đình còn ruồng bỏ, ghê lạnh với các em, điều đó góp phần đẩy đưa các em tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Qua nghiên cứu điển hình 8 quận, huyện ở TP Hồ Chí Minh gồm: quận 1, quận 4, quận 9, quận 12, quận Bình Thạnh, quận Tân Bình, huyện Củ Chi và huyện Hóc Môn với 440 đối tượng là vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng, chúng tôi ghi nhận có 86 đối tượng tái vi phạm pháp luật (chiếm 19,5%). Trong số đó có 68 đối tượng (80%) tái vi phạm pháp luật do không có việc làm; bị bạn bè rủ rê, lôi kéo; gia đình thiếu quan tâm chăm sóc, ruồng bỏ.

Rõ ràng, đối với đối tượng vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng, gia đình là môi trường rất quan trọng giúp các em lấy lại tự tin, tìm lại sự yêu thương che chở nhưng cũng chính sự thiếu quan tâm, bỏ mặc hay cái nhìn định kiến của gia đình đối với các em lại vô tình đưa các em đến những sai phạm mới.

Thực tế cho thấy, đối với đối tượng vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng khi trở về địa phương, nhiều tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng ở TP Hồ Chí Minh chưa thật quan tâm, giúp đỡ, thậm chí còn xa lánh, thành kiến với những lỗi lầm của họ.

#### *d. Những ảnh hưởng tiêu cực của môi trường sống*

Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay là một trong những địa bàn phức tạp về an ninh trật tự, các vụ phạm pháp hình sự

và tiêu cực xã hội có chiều hướng gia tăng. Nhiều hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực xã hội khác chưa được kịp thời phát hiện, đấu tranh, lên án mạnh mẽ. Ý thức tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật ở một bộ phận quần chúng nhân dân chưa cao, hiện tượng người ngay sợ kẻ gian còn nhiều... Thực trạng trên đang là nhân tố bất lợi cho tình hình trật tự an toàn xã hội của TP Hồ Chí Minh, cản trở việc tái hòa nhập cộng đồng của những người có một thời lầm lỗi.

Mặt khác, do tác động tiêu cực từ những mặt trái của nền kinh tế thị trường, vấn đề phân hoá giàu nghèo, thất nghiệp diễn ra quá nhanh cũng tác động trực tiếp đến đời sống của mỗi người dân, trong đó có đối tượng vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng. Những yếu tố đó không những làm cản trở tiến trình tái hòa nhập của họ mà còn là môi trường thuận lợi cho cái xấu, cái ác nảy sinh.

### **3. Kết luận**

Những nguyên nhân trình bày ở trên luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và thường xuyên tác động, ảnh hưởng đến quá trình tái hòa nhập cộng đồng của đối tượng vị thành niên đã qua trường giáo dưỡng. Vì vậy, trong quản lý, giáo dục những đối tượng này, các cơ quan chức năng và các chủ thể tiến hành thực hiện tái hòa nhập cộng đồng cần nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ, hạn chế tới mức thấp nhất các nguyên nhân, tác động xấu nhằm giúp đỡ các em tái hòa nhập cộng đồng một cách hiệu quả nhất.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Phạm Minh Hạc (1997), *Tâm lí học Vur - gôt- xki*, tập 1, Nxb Giáo dục.
2. Học viện Cảnh sát Nhân dân (2000), *Cảnh sát Nhân dân làm việc với trẻ em làm trái pháp luật*, Hà Nội.
3. Tsunesaburo Makiguchi (1994), *Giáo dục vì cuộc sống sáng tạo* (bản tiếng Việt), Trường Đại học Tổng hợp TP HCM & Nxb Trẻ.
4. Nguyễn Quốc Nhật, Nguyễn Trung Hòa, Trần Hải Âu (2001), *Giáo dục, giúp đỡ người tù tha tái hòa nhập cộng đồng ở Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
5. Jean Piaget (1998), *Tâm lí học và giáo dục học*, Nxb Giáo dục.
6. Nguyễn Thị Quy (2010), *Biện pháp tái hòa nhập cộng đồng cho người chưa thành niên đã qua trường giáo dưỡng ở TP Hồ Chí Minh*, Đề tài CS.2009.T48.093.
7. Trường Giáo dưỡng Số 4 (2007), *Báo cáo tổng kết (2005-2009)*, Đồng Nai.
8. Nguyễn Xuân Yêm (2004), *Phòng ngừa thanh thiếu niên phạm tội - Trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
9. Carnegie Council (1979), *Giving youth better Chance*, Jossey Bass, San Francisco.

**PHỤ LỤC SỐ 1**

**NƠI THƯỜNG TRÚ CỦA ĐỐI TƯỢNG VỊ THÀNH NIÊN ĐÃ QUA TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG TRỞ VỀ TP HỒ CHÍ MINH**

| Năm  | Tổng số đối tượng | Nơi ở của người chưa thành niên đã qua trường giáo dưỡng trở về địa phương |        |        |         |          |            |        |         |                  | Ghi chú |
|------|-------------------|--|--------|--------|---------|----------|------------|--------|---------|------------------|---------|
|      |                   | Quận 1   | Quận 4 | Quận 9 | Quận 12 | Tân Bình | Bình Thạnh | Củ Chi | Hóc Môn | Quận, huyện khác |         |
| 2005 | 130               | 5  | 7      | 7      | 6       | 10       | 8          | 13     | 9       | 65               |         |
| 2006 | 193               | 13   | 10     | 6      | 9       | 23       | 11         | 18     | 9       | 94               |         |
| 2007 | 201               | 8  | 11     | 8      | 10      | 22       | 7          | 14     | 23      | 98               |         |
| 2008 | 181               | 6  | 9      | 10     | 23      | 11       | 9          | 11     | 11      | 91               |         |
| 2009 | 180               | 5  | 8      | 8      | 10      | 14       | 13         | 8      | 17      | 97               |         |

Nguồn tài liệu: Trường Giáo dưỡng Số 4

**PHỤ LỤC SỐ 2**

**ĐỐI TƯỢNG VỊ THÀNH NIÊN ĐÃ QUA TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG TRỞ VỀ TP HỒ CHÍ MINH TÁI VI PHẠM PHÁP LUẬT**

| Năm | Tổng số đối tượng | Số vụ tái phạm | Số đối tượng tái phạm |         | Độ tuổi      |         |              |         |              |         |  |
|-----|-------------------|----------------|-----------------------|---------|--------------|---------|--------------|---------|--------------|---------|--|
|     |                   |                | Số đối tượng          | Tỷ lệ % | Từ 12 đến 14 | Tỷ lệ % | Từ 14 đến 16 | Tỷ lệ % | Từ 16 đến 18 | Tỷ lệ % |  |
|     |                   |                |                       |         |              |         |              |         |              |         |  |

|      |     |    |    |       |    |       |    |       |    |       |
|------|-----|----|----|-------|----|-------|----|-------|----|-------|
| 2005 | 130 | 31 | 39 | 30%   | 7  | 17,9% | 20 | 51,3% | 12 | 30,8% |
| 2006 | 193 | 38 | 57 | 29,4% | 10 | 17,5% | 29 | 50,9% | 18 | 31,6% |
| 2007 | 201 | 36 | 61 | 30,3% | 9  | 14,8% | 32 | 52,5% | 20 | 32,8% |
| 2008 | 181 | 35 | 57 | 31,5% | 10 | 17,5% | 29 | 50,9% | 18 | 31,6% |
| 2009 | 180 | 37 | 54 | 30%   | 9  | 16,7% | 28 | 51,8% | 17 | 31,5% |

Nguồn tài liệu: Báo cáo tổng kết của Công an Thành phố Hồ Chí Minh

**PHỤ LỤC SỐ 3**

**HÀNH VI VI PHẠM CỦA ĐỐI TƯỢNG VỊ THÀNH NIÊN ĐÃ QUA TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG, TRỞ VỀ TP HỒ CHÍ MINH TÁI VI PHẠM PHÁP LUẬT**

| Năm          | Tổng số đối tượng (ĐT) | Hành vi tái phạm |          |       |                           |       |       |       |              | Ghi chú |       |
|--------------|------------------------|------------------|----------|-------|---------------------------|-------|-------|-------|--------------|---------|-------|
|              |                        | Số ĐT            | Trộm cắp |       | Gây rối trật tự công cộng |       | Cướp  |       | Hành vi khác |         |       |
|              |                        |                  | Số ĐT    | Tỷ lệ | Số ĐT                     | Tỷ lệ | Số ĐT | Tỷ lệ | Số ĐT        |         | Tỷ lệ |
| 2005         | 130                    | 39               | 19       | 48,7% | 12                        | 30,8% | 1     | 2,6%  | 7            | 18%     |       |
| 2006         | 193                    | 57               | 28       | 49,1% | 15                        | 26,3% | 1     | 1,8%  | 13           | 22,8%   |       |
| 2007         | 201                    | 61               | 29       | 47,5% | 19                        | 31,1% | 2     | 3,3%  | 11           | 18%     |       |
| 2008         | 181                    | 57               | 24       | 42,1% | 16                        | 28,1% | 2     | 3,5%  | 15           | 26,3%   |       |
| 2009         | 180                    | 54               | 25       | 46,3% | 17                        | 31,5% | 1     | 1,9%  | 11           | 20,4%   |       |
| Trung bình % |                        |                  | 46,7%    |       | 29,6%                     |       | 2,6%  |       | 21,1%        |         |       |

Nguồn tài liệu: Báo cáo tổng kết của Công an Thành phố Hồ Chí Minh

**PHỤ LỤC SỐ 4**

**TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA CỦA ĐỐI TƯỢNG VỊ THÀNH NIÊN TRƯỚC KHI VÀO TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG Ở TP HỒ CHÍ MINH**

| Năm          | Tổng số đối tượng | Không biết chữ |         | Cấp I   |         | Cấp II  |         | Cấp III |         |
|--------------|-------------------|----------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
|              |                   | Tổng số        | Tỷ lệ % | Tổng số | Tỷ lệ % | Tổng số | Tỷ lệ % | Tổng số | Tỷ lệ % |
| 2005         | 130               | 18             | 13,8%   | 48      | 36,9%   | 60      | 46,2%   | 4       | 3,1%    |
| 2006         | 193               | 23             | 11,9%   | 78      | 40,4%   | 79      | 40,9%   | 13      | 6,7%    |
| 2007         | 201               | 27             | 13,4%   | 72      | 35,8%   | 97      | 48,3%   | 5       | 2,5%    |
| 2008         | 181               | 21             | 11,6%   | 61      | 33,7%   | 93      | 51,4%   | 6       | 3,3%    |
| 2009         | 180               | 27             | 15%     | 65      | 36%     | 84      | 46,7%   | 4       | 2,2%    |
| Trung bình % |                   | 13,1%          |         | 36,6%   |         | 46,7%   |         | 3,6%    |         |

Nguồn tài liệu: Trường Giáo dưỡng Số 4